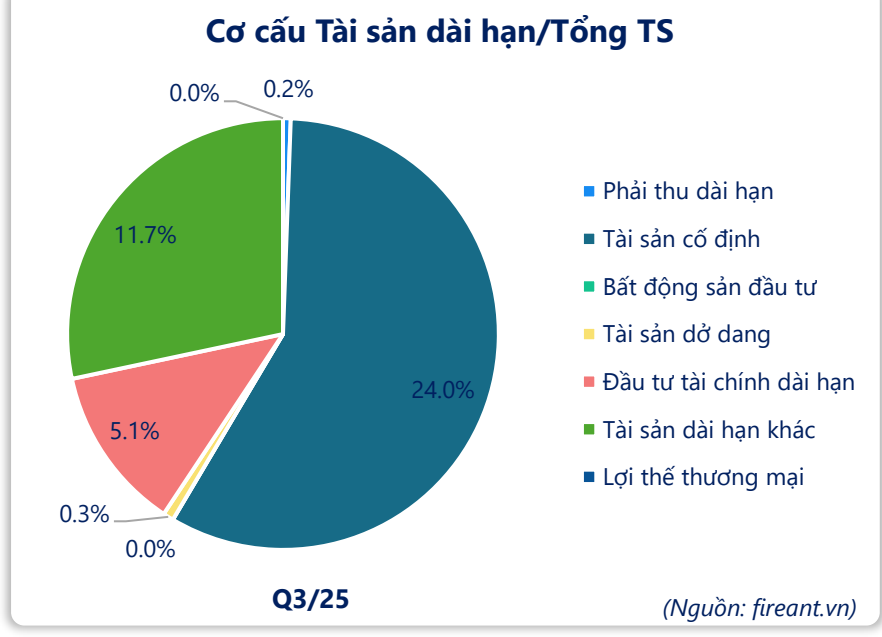
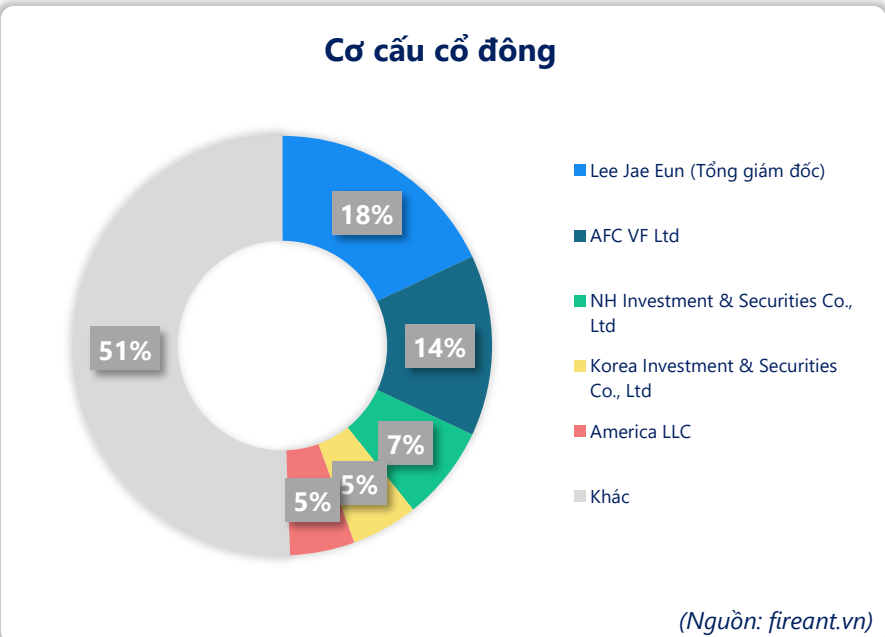
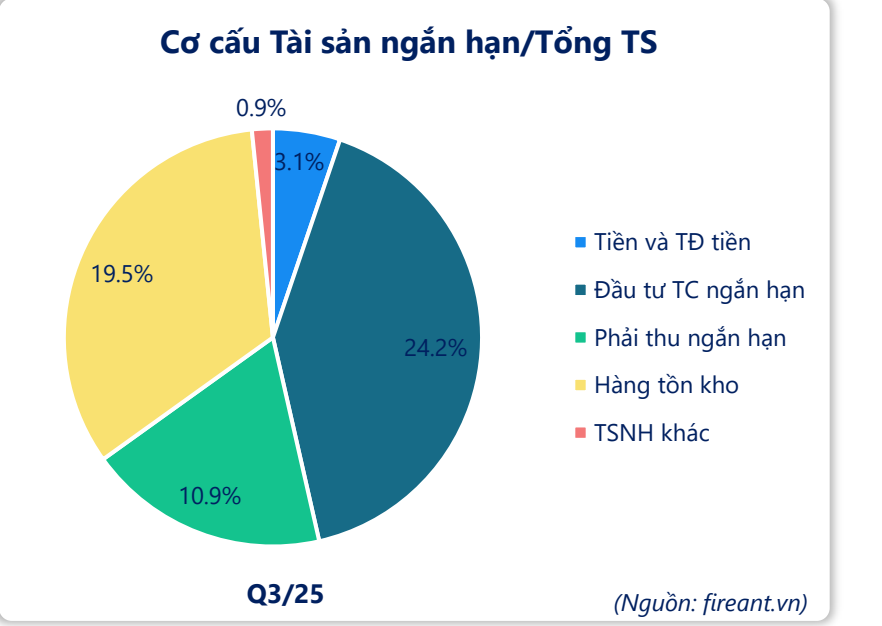
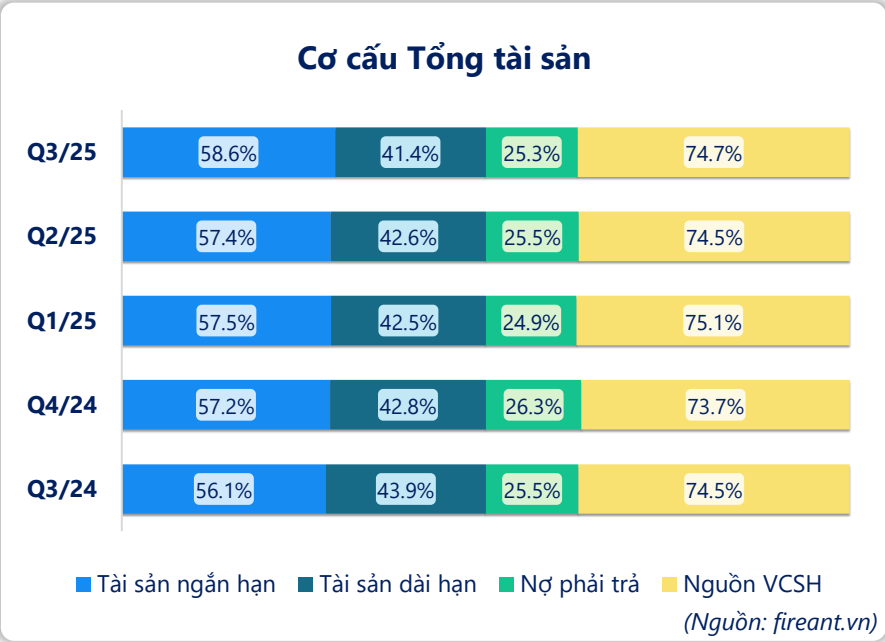
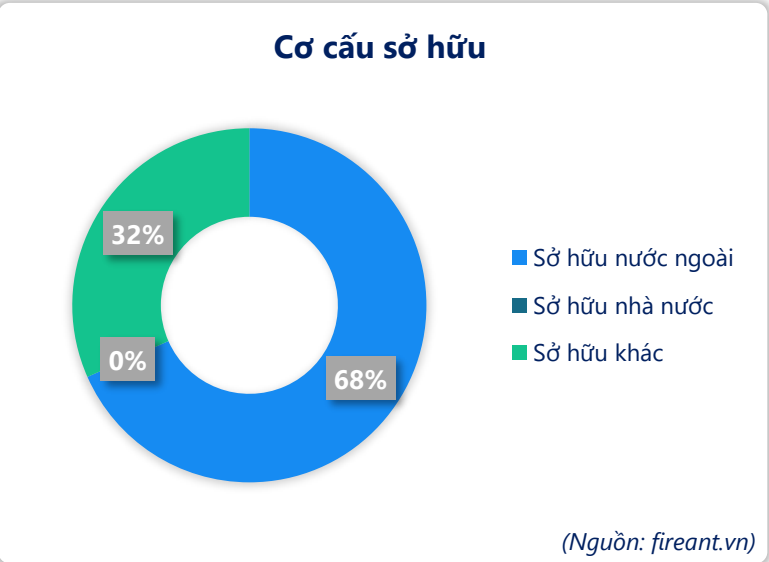
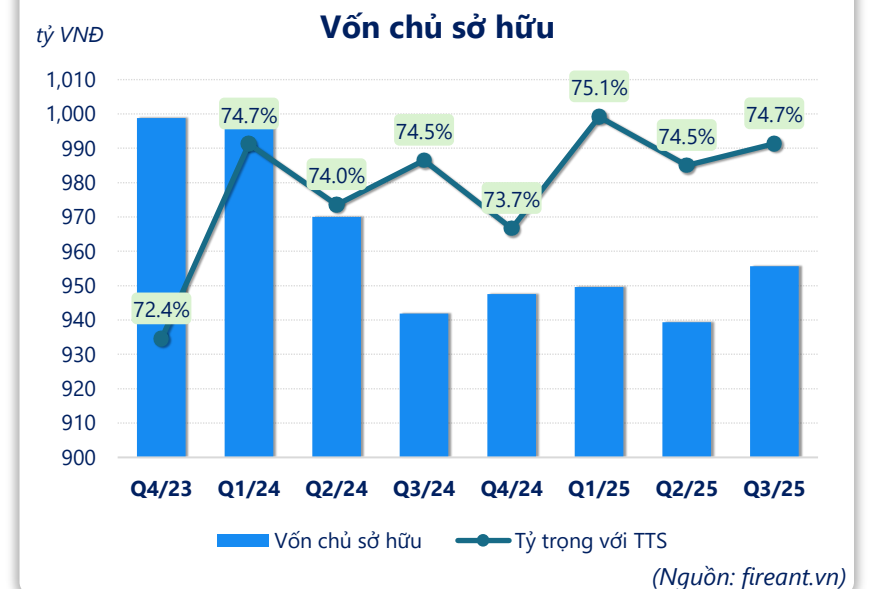
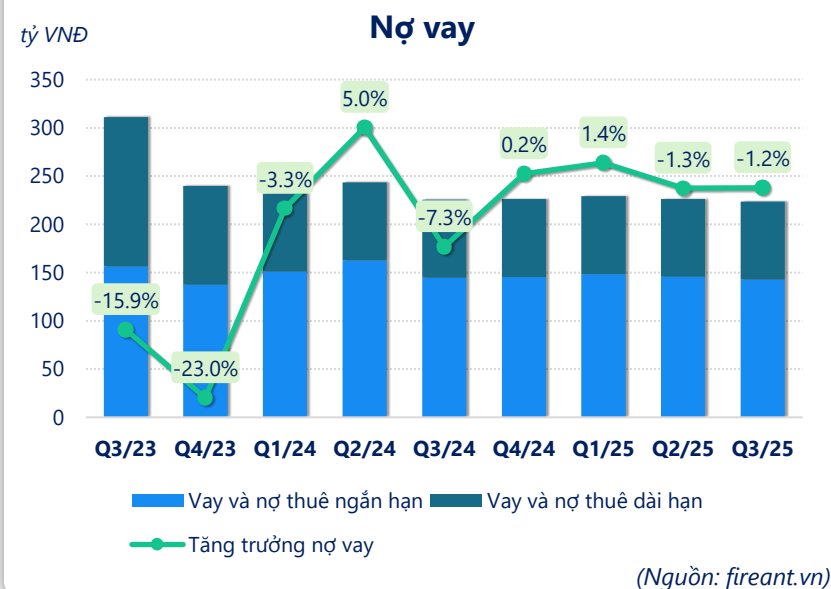
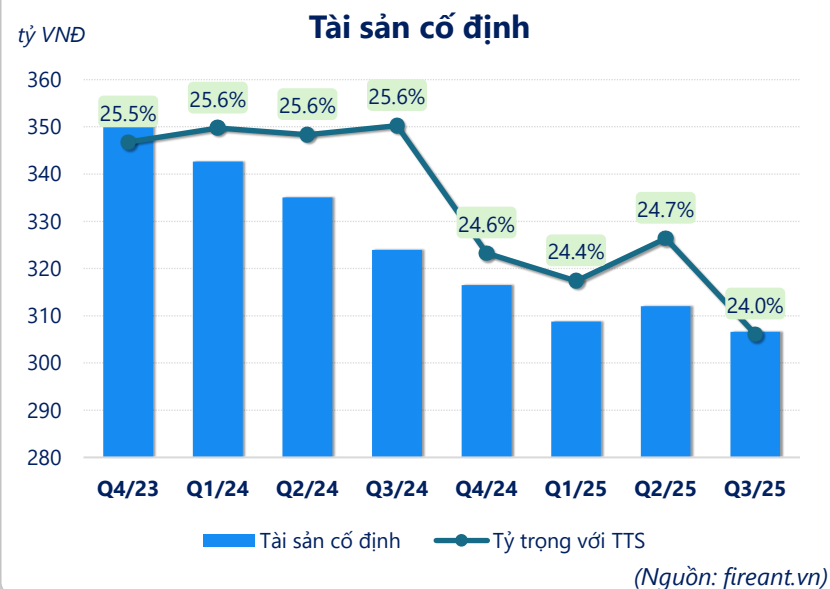
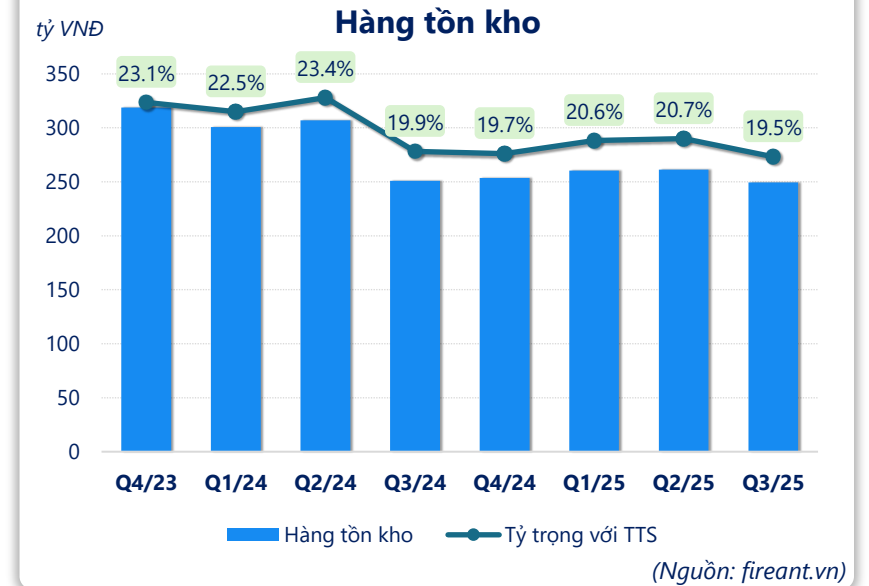
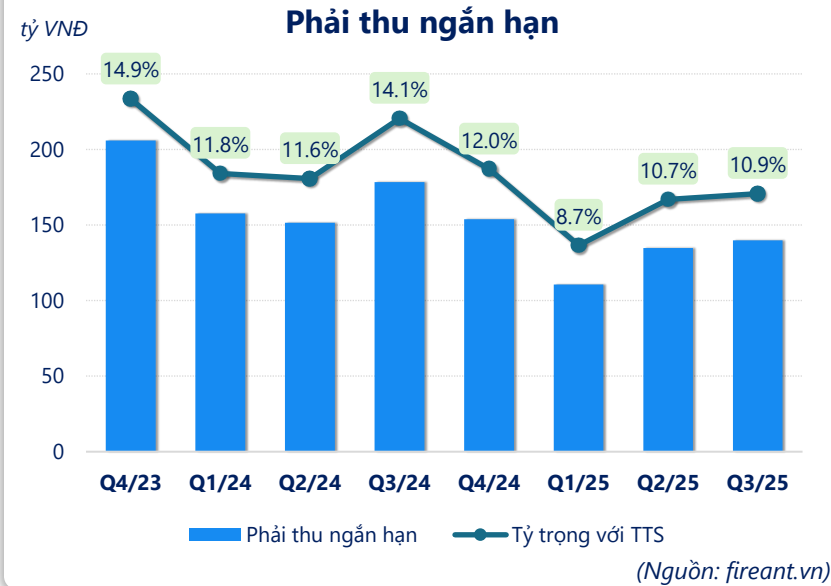
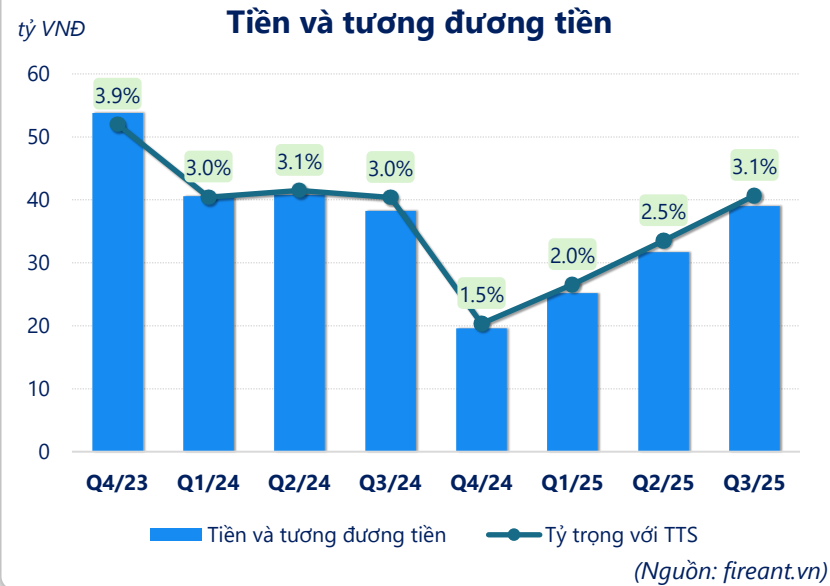
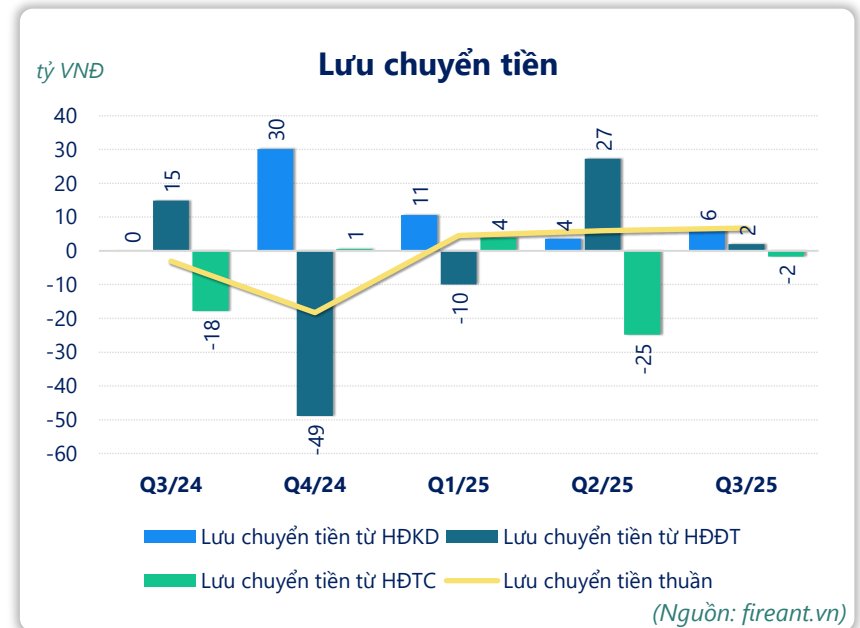
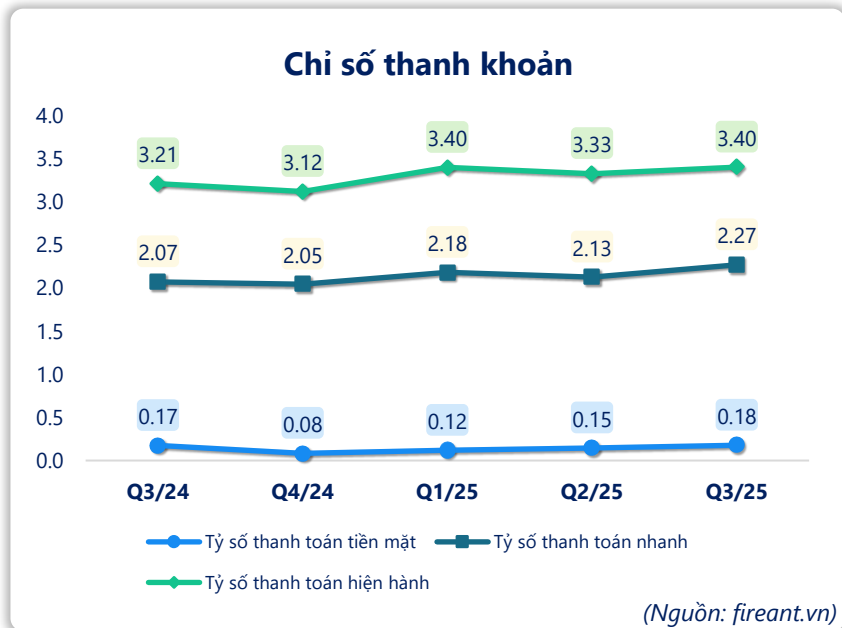
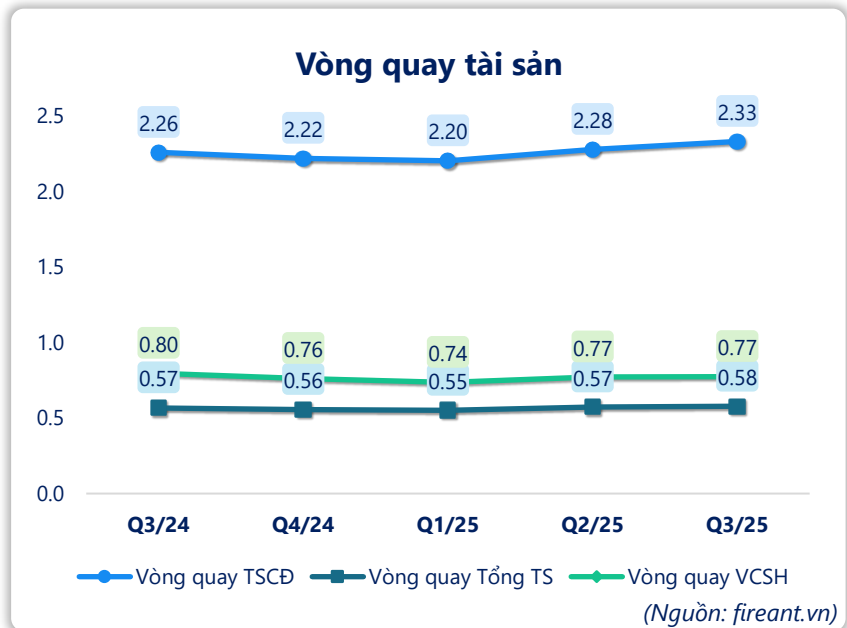
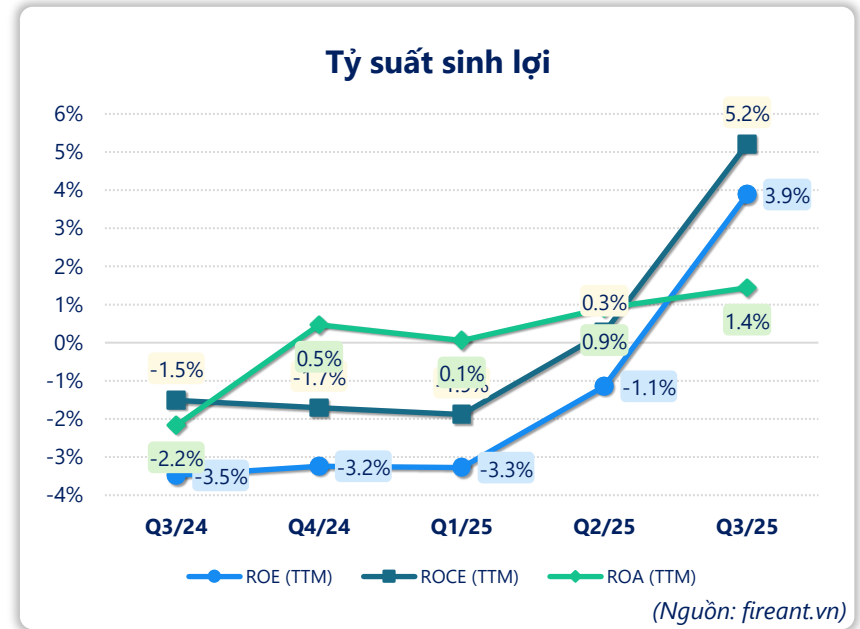
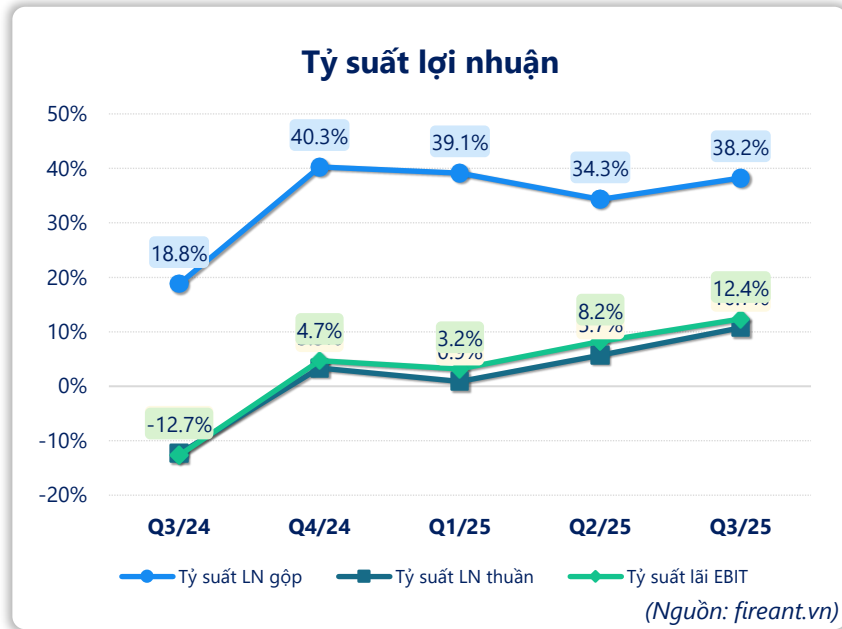
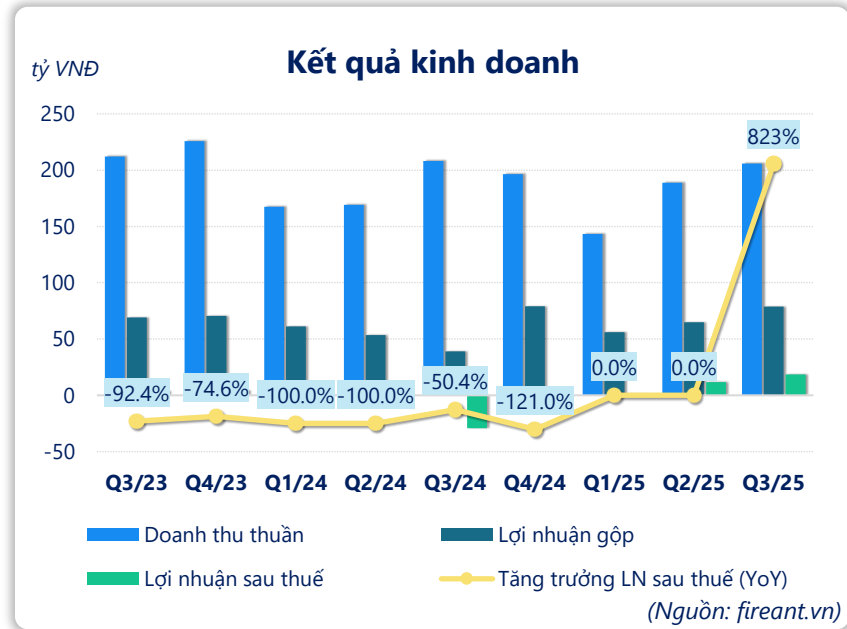


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,887
SL cổ phiếu LH		41,979,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)		47,410
% sở hữu nước ngoài		68.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		479
P/E		13.0
EPS		878

	YTD	1T	3T	6T
EVE	15.2%	7.5%	8.6%	12.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,279	1,284	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	750	741	1.2%
Tiền và tương đương tiền	39.0	19.5	100%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	309	299	3.3%
Phải thu ngắn hạn	140	155	-9.5%
Hàng tồn kho	250	253	-1.5%
Tài sản ngắn hạn khác	12.1	14.2	-15.0%
Tài sản dài hạn	529	543	-2.6%
Phải thu dài hạn	3.06	2.86	6.7%
Tài sản cố định	307	315	-2.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.20	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	65.3	64.6	1.1%
Tài sản dài hạn khác	150	161	-6.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	323	336	-3.8%
Nợ ngắn hạn	220	233	-5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	143	145	-1.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.9	42.7	-34.7%
Nợ dài hạn	103	103	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	80.8	80.8	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	956	948	0.8%
Vốn chủ sở hữu	956	948	0.8%
Vốn điều lệ	420	420	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	208	197	143	189	206
Giá vốn hàng bán	169	117	87.2	124	127
Lợi nhuận gộp	39.1	79.1	56.0	64.8	78.7
Doanh thu HĐTC	5.17	6.52	6.70	6.94	6.46
Chi phí TC	3.87	4.02	4.31	5.12	3.41
Chi phí lãi vay	2.68	2.84	2.87	3.26	2.86
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	42.2	52.7	35.8	34.2	37.0
Chi phí QLDN	23.9	22.4	21.4	21.7	22.6
LN thuần từ HĐKD	-25.7	6.57	1.27	10.7	22.1
Lợi nhuận khác	-3.36	-0.23	0.39	1.54	0.48
LN trước thuế	-29.1	6.34	1.66	12.3	22.6
Lợi nhuận sau thuế	-29.3	6.44	1.09	11.9	18.5
LNST của CĐ cty mẹ	-29.5	6.21	0.72	11.6	18.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.01	30.1	10.6	3.58	6.47
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	14.8	-48.9	-9.96	27.3	2.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.9	0.54	3.84	-24.9	-1.73
Tiền đầu kỳ	40.8	38.3	19.5	25.2	31.7
Lưu chuyển tiền thuần	-3.01	-18.3	4.52	6.00	6.76
Ảnh hưởng tỷ giá	0.49	-0.35	1.15	0.52	0.57
Tiền cuối kỳ	38.3	19.6	25.2	31.7	39.0

(Nguồn: fireant.vn)